

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn.

2. Ông Trần Văn Rọi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp 1, xã Bàu Đ, huyện GD, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh Phan Minh N, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp Suối Cao A, xã Phước Đ, huyện GD, tỉnh TN.

(Hiện anh Minh N đang chấp hành án tại trại giam CC, tỉnh TN).

Chị H và anh N đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Phạm Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Phan Minh N chung sống như vợ chồng từ năm 2008, có tìm hiểu trước, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, có tổ chức lễ tuyên bố giữa hai gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Đ, huyện

GD, tỉnh TN. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ anh N tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đ, huyện GD, tỉnh TN, đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng thuê Nhà trọ sinh sống tại ấp Suối S, xã AT, huyện TB, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do anh N không quan tâm chăm sóc vợ con và ham mê cờ bạc, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ và cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh N bỏ mặc chị và con tự ý về quê sinh sống cùng cha mẹ ruột ngụ tại ấp Suối Cao A, xã Phước Đ, huyện GD, tỉnh TN, từ đó đến nay vợ chồng ly thân. Đến giữa năm 2014 anh N bị Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh TN xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” với mức án là 09 (chín) năm tù giam và hiện anh N đang chấp hành án tại Trại giam CC, tỉnh TN. Thấy rằng hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu ly hôn cùng anh N.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên là Phạm Quốc B, sinh ngày 11-08-2009. Hiện cháu B đang sống chung cùng chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại trại giam CC bị đơn anh Phan Minh N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Thanh H về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung chị H trình bày tất cả đều đúng. Anh thừa nhận quá trình chung sống cùng chị H anh thiếu sự quan tâm vợ con và ham mê cờ bạc từ đó phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2013 anh bỏ về quê sinh sống từ đó vợ chồng ly thân, sau đó anh vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện TB kết án 09 (chín) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện tại anh đang chấp hành án tại trại giam CC, tỉnh TN; trước yêu cầu ly hôn của chị H, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Như chị H trình bày là đúng, anh và chị có 01 (một) con chung tên là Phạm Quốc B, sinh ngày 11-08-2009, hiện con chung đang sống cùng chị H. Anh đồng ý giao cháu B cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H đối với anh Phan Minh N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh N, anh chị thống nhất giao con chung cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 11-08-2009. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H và bị đơn anh N đều có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thanh H là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, ham mê cờ bạc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Anh bỏ chị H và con ra đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó phạm tội đi chấp hành án nên tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh N không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2] Về con chung: Cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 11-08-2009 hiện đang sống cùng chị H. Trong suốt thời gian ly thân, chị H vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt. Ngoài ra anh N đang chấp hành án tại Trại giam CC, tỉnh TN. Nên việc giao cháu Phạm Quốc B cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh chị, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81; 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Phạm Thị Thanh H đối với anh Phan Minh N.

Chị Phạm Thị Thanh H được ly hôn với anh Phan Minh N.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc B, sinh ngày 11-08-2009 cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu nên không giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009136 ngày 07-5-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND GD;
- THADS GD;
- **UBND xã Phước Đ;**
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Vĩ Lê